

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/12/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đạo;

Ông Trần Thanh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 260/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **C**, sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện Th, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh **H**, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th 1, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm Hà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **C** và anh **H** chung sống với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân chị C và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, đánh nhau, anh H thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc. Chị C và anh H sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay.

Chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị C và anh H có ba con chung tên L sinh ngày: 10/9/2007; Th, sinh ngày: 02/4/2013; Tr, sinh ngày: 02/11/2018. Chị C yêu cầu nuôi 02 con chung L, Th và đồng ý để con chung Tr cho anh H nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng anh H đều vắng mặt không có lý do mặt dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị C là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về con chung: Anh H được tiếp tục nuôi con chung tên Tr, sinh ngày: 02/4/2013 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị C tiếp tục nuôi 02 con chung L sinh ngày: 10/9/2007; Th, sinh ngày: 02/11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị C khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 04/5/2022 của Công an xã Thới Thuận, huyện Bình Đại. Anh H có đăng ký thường trú tại: ấp Th 1, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2007 ngày 30/5/2007 do Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, chị C và anh H vẫn sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị C và anh H hàn gắn tính cảm nhưng chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh H đều vắng mặt trong các lần hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh H đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này và mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh H.

Về con chung: chị C yêu cầu nuôi 02 con chung L sinh ngày: 10/9/2007; Th, sinh ngày: 02/11/2018 và đồng ý để con chung Tr, sinh ngày: 02/4/2013 cho anh H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L, Th sống chung với chị C. Cháu Tr đang sống với anh H tất cả vẫn phát triển bình thường, ngoài ra nguyện vọng của cháu Tr cũng muốn sống chung với anh H, cháu L có nguyện vọng sống chung với chị C. Do đó giao con chung L sinh ngày: 10/9/2007; Th, sinh ngày: 02/11/2018 cho chị C, giao con chung Tr, sinh ngày: 02/4/2013 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh H đang trực tiếp nuôi cháu Tr, anh H không có ý kiến gì về việc cấp

dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử ghi nhận nếu sau này anh H có yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh H có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Chị C khai không có nên ghi nhận.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 57, 58, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh H. Chị C được ly hôn với anh H.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Tr, sinh ngày: 02/4/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Giao con chung tên L sinh ngày: 10/9/2007; Th, sinh ngày: 02/11/2018 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh H nếu sau này có yêu cầu chị C cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Chị C không trực tiếp nuôi con chung Tr, anh H không trực tiếp nuôi con chung L, Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh H, chị C trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Hà, anh Hải trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này anh H có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006165 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị C đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Thới Thuận (số 43/2007);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hòa

Lê Văn Đạo

Phạm Quang Hải